

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4653/QĐ-BNN-CN**

Hà Nội, ngày **10** tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho: bò sữa; bò thịt; dê sữa; dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Bộ NN-PTNT;
- Lưu: VT, CN **(100)**



Cao Đức Phát

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VietGAHP

**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI LỢN TẠI VIỆT NAM**

**Good Animal Husbandry Practices
for Pig Production in Vietnam**

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.



QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn tại Việt Nam (VietGAHP chăn nuôi lợn)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này áp dụng để chăn nuôi lợn tốt nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm; bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.

1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ sở chăn nuôi lợn; tổ chức, cá nhân chứng nhận VietGAHP chăn nuôi lợn trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. VietGAHP (Vietnam Good Animal Husbandry Practices) cho chăn nuôi lợn là quy trình thực hành chăn nuôi lợn tốt tại Việt Nam.

2.2. An toàn sinh học (ATSH) trong chăn nuôi lợn: Là các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên hoặc do con người tạo ra gây hại đến con người, gia súc và hệ sinh thái.

2.3. Chất thải trong chăn nuôi lợn bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí. Chất thải rắn bao gồm phân, gia súc chết, nhau thai... Chất thải lỏng là nước tiểu, chất nhầy, nước rửa chuồng trại và rửa các dụng cụ dùng trong chăn nuôi. Chất thải khí gồm H_2S , NH_3 , CH_4 .

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

1. Địa điểm

1.1. Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ và chợ buôn bán gia súc tối thiểu 01km.

1.2. Có đủ nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường.

2. Bố trí khu chăn nuôi

2.1. Trại chăn nuôi phải có sơ đồ thiết kế, đảm bảo thông thoáng, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo ATSH, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải.

2.2. Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh để kiểm soát được người, động vật và phương tiện ra vào trại.

2.3. Tại cổng ra vào và các khu chuồng nuôi phải bố trí hố hoặc khu vực khử trùng.

3. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi

3.1. Chuồng nuôi lợn phải được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất.

3.2. Máng ăn, uống dùng cho chăn nuôi lợn phải đảm bảo không gây độc và dễ vệ sinh, tẩy rửa.

3.3. Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi lợn phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, tẩy rửa.

4. Giống và quản lý chăn nuôi

4.1. Giống phải có nguồn gốc rõ ràng.

4.2. Lợn giống đưa từ bên ngoài vào trại phải đảm bảo khỏe mạnh và được nuôi cách ly theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

4.3. Phải có quy trình chăn nuôi cho từng giống lợn theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi.

4.4. Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu \Rightarrow từng dãy \Rightarrow từng chuồng \Rightarrow từng ô.

5. Vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trại phải có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, đảm bảo ATSH.

5.2. Tất cả mọi người khi vào trại phải mặc quần áo, dày dép bảo hộ phù hợp; thực hiện đầy đủ các biện pháp khử trùng trong trại; khi di chuyển trong trại theo thứ tự: khu lợn cai sữa, nái, vỗ béo.

5.4. Các phương tiện ra vào trại đều phải thực hiện các biện pháp khử trùng.

5.5. Có lịch và thực hiện định kỳ phun thuốc khử trùng: Trong chuồng nuôi 1 tuần phun 1 lần, ngoài chuồng nuôi 2 tuần phun một lần.

5.6. Có lịch và thực hiện phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi; định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh 1 lần/tháng.

5.7. Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn phải rửa sạch và khử trùng chuồng, thiết bị trong chuồng và để trống chuồng ít nhất 7 ngày.

5.8. Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên.

6. Quản lý thức ăn và nước uống trong chăn nuôi

6.1. Quản lý thức ăn

6.1.1. Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo sạch, an toàn.

6.1.2. Không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh trong Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

6.1.3. Thức ăn dự trữ phải được bảo quản trong kho đảm bảo khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại; không để quá hạn sử dụng.

6.1.4. Có ghi chép đầy đủ và lưu giữ các thông tin về xuất nhập và sử dụng thức ăn, các thông tin khi sử dụng kháng sinh trộn vào thức ăn.

6.1.5. Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực sản xuất thức ăn, kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn để tránh gây ô nhiễm.

6.2. Quản lý nước trong chăn nuôi lợn

6.2.1. Nguồn nước cho chăn nuôi lợn phải đảm bảo an toàn, định kỳ kiểm tra E.coli và coliform.

6.2.2. Có lịch và thực hiện kiểm tra thường xuyên hệ thống lọc, cấp nước cho trang trại chăn nuôi lợn.

7. Quản lý vận chuyển

7.1. Vận chuyển lợn giữa các trại hoặc xuất bán phải có phương tiện vận chuyển phù hợp.

7.2. Trước và sau khi vận chuyển lợn, phương tiện vận chuyển phải được khử trùng.

8. Quản lý dịch bệnh

8.1. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn lợn. Có quy trình phòng bệnh, tẩy giun sán phù hợp cho các đối tượng lợn và thực hiện đúng quy trình.

8.2. Có hồ sơ theo dõi đàn lợn về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị.

8.3. Chỉ sử dụng các loại thuốc thú y có trong Danh mục quy định được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.



8.4. Khi có lợn ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi lợn ra ngoài trại.

9. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

9.1. Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý theo quy định hiện hành, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

9.2. Vị trí tập trung chất thải để xử lý phải để cuối trại, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước, tránh tràn. Phải có quy trình xử lý chất thải trong trại chăn nuôi.

9.3. Chất thải lỏng phải được thu theo đường riêng vào khu xử lý chất thải và xử lý theo quy định của Nhà nước đảm bảo an toàn trước khi thải ra môi trường.

10. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại

10.1. Trại phải có kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại.

11. Quản lý nhân sự

11.1. Trại cần có sơ đồ tổ chức. Có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra.

11.2. Chủ trang trại phải thực hiện theo Luật lao động đối với người lao động trong trại.

11.3. Người lao động phải đủ sức khỏe, được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và được khám sức khỏe định kỳ.

11.4. Người lao động phải được tập huấn về quy trình chăn nuôi – thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

12. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

Trang trại chăn nuôi lợn phải lập sổ, ghi chép theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi. Cụ thể như sau:

12.1. Thông tin chung của trại chăn nuôi: Tên trại chăn nuôi/chủ trại; Địa chỉ; Diện tích chuồng trại chăn nuôi; Sơ đồ chuồng nuôi.

12.2. Ghi chép nhập nguyên liệu hoặc thức ăn: Ngày, tháng, năm nhập; Loại thức ăn; Số lượng; Nguồn gốc; Ngày và lô sản xuất; Hạn sử dụng;

12.3. Ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn: Ngày, tháng, năm xuất; Loại thức ăn; Số lượng; Nguồn gốc; Ngày sản xuất; Hạn sử dụng;

12.4. Ghi chép trộn thức ăn: Ngày, tháng, năm trộn; Loại khẩu phần; Dùng thuốc/chất bổ sung và liều lượng; Khu trại, dãy chuồng hoặc ô chuồng sử dụng.

12.5. Ghi chép mua/chuyên lợn: Ngày, tháng, năm mua/chuyên lợn; Số lượng; Nguồn gốc; Giống lợn; Lứa tuổi; tình trạng sức khỏe;

12.6. Ghi chép kế hoạch phòng bệnh: Quy trình phòng bệnh của trại; Ngày, tháng, năm sử dụng vắc xin; Tên vắc xin; Nguồn gốc vắc xin; Ngày và lô sản xuất; Liều lượng dùng cho các loại lợn; Cách dùng;

12.7. Ghi chép điều trị bệnh cho lợn: Ngày, tháng, năm lợn mắc bệnh; Số lợn/hoặc số ô chuồng nuôi mắc bệnh; Triệu chứng; Bệnh tích (nếu có); Ngày, tháng năm điều trị; Tên thuốc sử dụng; Liều lượng, cách dùng; Người điều trị; Thời gian ngưng thuốc; Kết quả điều trị.

12.8. Ghi chép xuất, bán lợn: Ngày, tháng năm xuất bán; Loại lợn; Số lượng bán ra (con); Khối lượng; Lý do; Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối; Loại vắc xin/ thuốc thú y đã sử dụng lần cuối;

Tất cả các sổ ghi chép trên được theo dõi thường xuyên và được lưu trữ tại trại ít nhất 12 tháng.

13. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)

13.1. Chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần.

13.2. Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong tổ chức, cá nhân chăn nuôi hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

13.3. Chủ trang trại chăn nuôi phải tổng kết và báo cáo kết quả tự kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

14. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

14.1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải có mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng yêu cầu.

14.2. Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức cá nhân chăn nuôi phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ./.



Cao Đức Phát

BẢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIETGAHP CHĂN NUÔI LỢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; B= Khuyến khích thực hiện

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
1. Địa điểm						
1	Từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt có đạt khoảng cách tối thiểu 100m không?	A	Quan sát thực tế			
2	Từ trang trại đến nhà máy chế biến, giết mổ và chợ buôn bán gia súc có đạt khoảng cách tối thiểu 1km không?	A	Quan sát thực tế			
3	Có đủ nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu để kiểm tra			
2. Bố trí khu chăn nuôi						
4	Trại chăn nuôi có sơ đồ thiết kế, đảm bảo thông thoáng, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo ATSH, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải?	A	Quan sát thực tế			
5	Trại chăn nuôi có tường hoặc hàng rào bao quanh để kiểm soát được người, động vật và phương tiện ra vào trại không?	A	Quan sát thực tế			
6	Tại cổng ra vào trại có bố trí khu vực khử trùng không?	A	Quan sát thực tế			
7	Tại các khu chuồng nuôi có bố trí hố khử trùng không?	B	Quan sát thực tế			
3. Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi						
8	Chuồng nuôi lợn có được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
9	Máng ăn, máng uống dùng cho chăn nuôi lợn có đảm bảo không gây độc và dễ vệ sinh, tẩy rửa không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
10	Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi lợn có đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, tẩy rửa không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
4. Giống và quản lý chăn nuôi						
11	Giống lợn nuôi trong trại có nguồn gốc rõ ràng không?	A	Kiểm tra hồ sơ			
12	Lợn giống đưa từ bên ngoài vào trại có đảm bảo khỏe mạnh và được nuôi cách ly theo hướng dẫn của cơ quan thú y không?	A	Kiểm tra thực tế và Hồ sơ			
13	Có quy trình chăn nuôi cho từng giống lợn theo mục đích sử dụng và thực hiện theo quy trình chăn nuôi không?	A	Kiểm tra quy trình			
14	Có áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra"?	B	Kiểm tra Hồ sơ và phỏng vấn			
5. Vệ sinh chăn nuôi						
15	Trại trại có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, đảm bảo ATSH ?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
16	Tất cả mọi người khi vào trại có tuân thủ việc vệ sinh, sát trùng: mặc quần áo, giày dép bảo hộ phù hợp?; thực hiện đầy đủ các biện pháp khử trùng trong trại?; khi di chuyển trong trại theo thứ tự: khu lợn cai sữa, nái, vỗ béo?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
17	Phương tiện ra vào trại có được khử trùng không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
18	Có định kỳ phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi 1 lần/tuần không?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
19	Có định kỳ phun thuốc khử trùng ngoài chuồng nuôi 2 tuần/một lần không?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
20	Có định kỳ phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi và vệ sinh hệ thống cống rãnh 1 lần/tháng không?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
21	Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn có để trống chuồng ít nhất 7 ngày không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
22	Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi có được tiêu độc khử trùng thường xuyên không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
6. Quản lý thức ăn, nước uống cho chăn nuôi						
23	Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo toàn?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
24	Tuân thủ việc không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh trong Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành?	A	Kiểm tra thực tế và kiểm tra hồ sơ			
25	Thức ăn dự trữ có được bảo quản trong kho đảm bảo khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại? không để quá hạn sử dụng?	A	Kiểm tra thực tế và kiểm tra hồ sơ			
26	Có ghi chép đầy đủ và lưu giữ các thông tin về xuất nhập và sử dụng thức ăn, các thông tin khi sử dụng kháng sinh trộn vào thức ăn theo hướng dẫn của cán bộ thú y không?	A	Kiểm tra hồ sơ			
27	Có thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực sản xuất thức ăn, kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn để tránh gây ô nhiễm không?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
28	Nguồn nước cho chăn nuôi lợn có đảm bảo an toàn không ?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu để kiểm tra			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
29	Có kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước cho trang trại chăn nuôi lợn không ?.	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
7. Quản lý vận chuyển						
30	Vận chuyển lợn giữa các trại hoặc xuất bán có sử dụng phương tiện vận chuyển phù hợp?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
31	Trước và sau khi vận chuyển lợn phương tiện vận chuyển có được khử trùng?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
8. Quản lý dịch bệnh						
32	Có lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn lợn? Có quy trình phòng bệnh, tẩy giun sán phù hợp cho các đối tượng lợn và thực hiện đúng quy trình?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			
33	Có hồ sơ theo dõi đàn lợn về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị?	A	Kiểm tra sổ sách			
34	Có sổ theo dõi sử dụng thuốc điều trị, liệu trình, loại thuốc, ngày ngừng thuốc không?	A	Kiểm tra sổ sách			
35	Khi lợn ốm có nhốt ra khu nuôi cách ly không? khi phát hiện có dịch bệnh có báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi lợn ra ngoài trại hay không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
9. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường						
36	Chất thải rắn có được thu gom hàng ngày chuyển đến nơi tập trung và xử lý không?	A	Quan sát và kiểm tra thực tế			
37	Chất thải lỏng có được thu vào khu xử lý chất thải và xử lý đảm bảo an toàn trước khi thải ra môi trường?	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu để kiểm tra			
10. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại						
38	Trại có kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại?	B	Quan sát và kiểm tra thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
11. Quản lý nhân sự						
39	Có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra ?	B	Kiểm tra quy trình hướng dẫn			
40	Người lao động có được thực hiện theo Luật Lao động và được khám sức khỏe định kỳ?	B	Kiểm tra thực tế và hồ sơ			
41	Người lao động có được tập huấn về quy trình chăn nuôi – thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường?	A	Kiểm tra thực tế và hồ sơ			
12. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm						
42	Trang trại chăn nuôi lợn có lập các sổ, ghi chép theo dõi đầy đủ và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi?	A	Kiểm tra thực tế và hồ sơ			
13. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)						
43	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	B	Kiểm tra thực tế và hồ sơ			
44	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký chưa và có lưu trong hồ sơ không?	A	Kiểm tra hồ sơ			
14. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại						
45	Trang trại có khiếu nại và lưu giữ hồ sơ khiếu nại?	B	Kiểm tra hồ sơ			

II. XỬ LÝ KẾT QUẢ

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 45 tiêu chí, gồm 31 tiêu chí loại A và 14 tiêu chí loại B
- Cơ sở chăn nuôi được cấp chứng nhận phải đạt được: 31 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

MẪU GHI CHÉP
CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN THEO VIETGAHP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức/cá nhân:

Lứa chăn nuôi:

Năm:

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên tổ chức/cá nhân chăn nuôi:

2. Địa chỉ: Ấp

Xã:

Huyện

Tỉnh

3. Diện tích chuồng trại:

4. Giống lợn:

5. Mật độ nuôi:

6. Sơ đồ quy hoạch, đánh số từng ô chuồng trong trại (Đính kèm):

Phần thứ hai
CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

1. Ghi chép nhập nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người nhập	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

2. Ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người xuất	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

3. Ghi chép trộn thức ăn

Ngày tháng năm	Loại khẩu phần	Dùng thuốc/chất bổ sung (có hay không)	Khối lượng thuốc (g)	Người trộn	Ô chuồng, khu trại sử dụng

4. Mua/chuyển lợn giống vào nuôi thương phẩm

Ngày tháng năm	Số lượng (con)	Cơ sở sản xuất giống	giống lợn	Ghi chú

Ký tên:

Bên mua (nếu có):

Bên bán (nếu có):

5. Kế hoạch tiêm phòng và sử dụng vắc xin

Ngày tháng năm	Tên vắc xin	Cơ sở/Nhà SX	Liều lượng	Cách dùng	Khuyến cáo, cảnh báo của thuốc	Ghi chú

Bác sỹ thú y:.....

Ngày tháng:.....

Giám đốc trại:

Ngày tháng:.....

6. Ghi chép điều trị bệnh cho lợn

Ngày tháng năm	Số tai cá thể/ ô chuồng	Triệu chứng	Tên thuốc sử dụng	Liều lượng, cách dùng	Người điều trị	Trọng lượng lợn (kg)	Thời gian ngưng thuốc	Kết quả điều trị

7. Ghi chép xuất bán lợn thịt thương phẩm

Tổ chức/cá nhân bán:

Tổ chức/cá nhân mua, địa chỉ:

Ngày tháng năm bán	Loại lợn	Số lượng bán (con)	Khối lượng (kg)	Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối	Loại vắc xin/thuốc đã sử dụng	Ngày kết thúc điều trị/kết quả	Ghi chú

Ký tên:

Bên mua :

Bên bán :